

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định tổ chức, quản lý chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài
trình độ đại học tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin (DHCNTT) thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (DHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-DHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc DHQG-HCM về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học thành viên và khoa trực thuộc DHQG-HCM;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về việc ban hành quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1758/QĐ-DHQG ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc DHQG-HCM về việc ban hành quy định liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐTĐHCNTT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Trường, Trường DHCNTT về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường DHCNTT;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này là “Quy định tổ chức, quản lý chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin”.

Điều 2. Các Ông/Bà Trưởng các Phòng Ban chức năng, Trưởng các Khoa, Văn phòng các Chương trình đặc biệt, các đơn vị có liên quan và giảng viên, sinh viên chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký,

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐTDH (H).



Nguyễn Lưu Thùy Ngân



**QUY ĐỊNH TỔ CHỨC, QUẢN LÝ
CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NUỐC NGOÀI
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

(Ban hành theo Quyết định số A51/QĐ-DHCNTT, ngày 10 tháng 4 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

Chương 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ	4
Điều 3. Mở mới, gia hạn, điều chỉnh CTLKNN	5
Điều 4. Mục tiêu đào tạo	5
Điều 5. Chương trình đào tạo	5
Điều 6. Học kỳ, năm học	6
Điều 7. Khóa học	6
Điều 8. Học phí	6
Chương 2. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO	6
Điều 9. Tổ chức chương trình	6
Điều 10. Tổ chức lớp	7
Điều 11. Đăng ký học	7
Điều 12. Điều kiện và phương thức tuyển sinh	7
12.1. Đối tượng 1	7
12.2. Đối tượng 2	9
Điều 13. Điều kiện chuyển ngành, chuyển chương trình đào tạo	9
Điều 14. Quy định về giảng viên, trợ giảng	9
14.1. Giảng viên	9
14.2. Trợ giảng	10
Điều 15. Hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	10

15.1.	Tổ chức thi và đánh giá sinh viên.....	10
15.2.	Quản lý điểm và bài thi	11
15.3.	Cách tính điểm trung bình	12
15.4.	Quy trình xử lý khiếu nại của sinh viên	12
Điều 16.	Rút khỏi chương trình – Tạm dừng học tập	13
Điều 17.	Xử lý học vụ	13
17.1.	Cảnh báo	13
17.2.	Buộc thôi học	13
Điều 18.	Điều kiện tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp	14
Điều 19.	Nguyên tắc đảm bảo chất lượng và kiểm định giáo dục	14
Chương 3.	CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH	14
Điều 20.	Học bổng	14
Điều 21.	Khen thưởng khác	14
Chương 4.	KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	15
Điều 22.	Thanh tra, kiểm tra	15
Điều 23.	Khiếu nại, tố cáo	15
Điều 24.	Xử lý vi phạm	15
Chương 5.	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ LUU TRỮ	15
Chương 6.	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	16

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
CSNN	Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài liên kết đào tạo
CTLKNN	Chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài
CVHT	Cố vấn học tập
ĐHCNTT	Đại học Công nghệ Thông tin
ĐHQG-HCM	Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh
ĐVCM	Đơn vị chuyên môn
ĐVQL	Đơn vị quản lý
NCKH	Nghiên cứu khoa học

Chương 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định về tổ chức thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, sau đây gọi tắt là chương trình liên kết nước ngoài (CTLKNN).

Quy định này áp dụng đối với giảng viên, sinh viên và các đơn vị liên quan chương trình đào tạo liên kết nước ngoài giữa Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Trường Đại học Birmingham City.

Các vấn đề liên quan đến quản lý đào tạo không được đề cập trong quy định này được thực hiện theo quy chế đào tạo bậc đại học hiện hành của Trường DHCNTT.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- Chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài: là chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng, trong phạm vi ngành và trình độ đào tạo đã được phép thực hiện tại Trường DHCNTT. Việc tổ chức đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam hoặc một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài, theo hình thức đào tạo trực tiếp.

- Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài liên kết đào tạo: là cơ sở đào tạo có uy tín, chất lượng, có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép đào tạo và cấp văn bằng trong lĩnh vực liên kết hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục còn hiệu lực do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp cấp, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và cấp bằng cho sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là CSNN).

- Đơn vị chuyên môn: là đơn vị phụ trách ngành đào tạo liên kết nước ngoài, chịu trách nhiệm quản lý về chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

- Đơn vị quản lý: là đơn vị được Hiệu trưởng giao làm đầu mối triển khai, quản lý chương trình liên kết nước ngoài, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện chương trình liên kết đào tạo theo đúng nội dung đã được phê duyệt trên quyết định cấp phép hoạt động, đảm bảo tuân thủ các quy định đào tạo, pháp luật có liên quan, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người học, cán bộ, giảng viên tham gia vào chương trình.

- Hội đồng MAB (Module Assessment Board): hội đồng do CSNN thành lập, chịu trách nhiệm chính trong việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ, xử lý các trường hợp sinh viên có vấn đề về kết quả học tập, chẳng hạn như khiếu nại về điểm số, xin phúc khảo bài thi, hoặc các trường hợp vi phạm quy chế thi cử.

- Hội đồng PAB (Progression and Awards Board): hội đồng do CSNN thành lập, chịu trách nhiệm phê duyệt danh sách sinh viên đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp.

Điều 3. Mở mới, gia hạn, điều chỉnh CTLKNN

- Đơn vị chuyên môn có nhu cầu mở mới CTLKNN chủ động tìm kiếm đối tác liên kết đào tạo đạt yêu cầu và phải được Trường phê duyệt chủ trương cho phép liên kết đào tạo với CSNN.
 - Hồ sơ và thủ tục mở mới, gia hạn, điều chỉnh được thực hiện theo các Quy định hiện hành liên quan của cấp trên quản lý, do ĐVQL chương trình làm đầu mối thực hiện, phối hợp với ĐVCM và các đơn vị chức năng có liên quan khác.
 - Thời hạn hoạt động của CTLKNN không quá 05 năm kể từ ngày được phê duyệt và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm và không quá thời hạn thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác giữa các bên liên kết.
 - Việc gia hạn liên kết đào tạo phải thực hiện trong thời gian 6 tháng trước khi hết hạn liên kết đào tạo.
 - Việc điều chỉnh liên kết đào tạo thực hiện khi có yêu cầu của các bên liên kết.

Điều 4. Mục tiêu đào tạo

CTLKNN nhằm cung cấp môi trường học tập tiếp cận chuẩn quốc tế cho sinh viên, trang bị kỹ năng chuyên môn và ngoại ngữ theo định hướng đạt tiêu chuẩn của các đại học tiên tiến trong khu vực và quốc tế.

Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng các yêu cầu chung sau đây:

- Có kiến thức chuyên môn tốt, năng lực sáng tạo cao.
- Có trình độ tiếng Anh thành thạo cả 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết; đáp ứng được yêu cầu giao tiếp trong môi trường làm việc quốc tế.

Điều 5. Chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo của CSNN thực hiện liên kết tại Việt Nam là chương trình đào tạo của CSNN, được cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép đào tạo và cấp bằng hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng còn hiệu lực do tổ chức kiểm định chất lượng hợp pháp cấp; không có nội dung gây phuơng hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam. Chuẩn đầu ra của CTLKNN phải đáp ứng được yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Chương trình đào tạo được thiết kế đề cao tư duy sáng tạo, khả năng tự học; tăng cường kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, khả năng sử dụng ngoại ngữ và các kỹ năng mềm cần thiết.
- Chương trình đào tạo áp dụng theo hệ thống tín chỉ hiện hành của CSNN tương ứng, được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh, chia làm 02 giai đoạn:
 - Giai đoạn 1: gồm các môn học được thiết kế tương thích, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo của CSNN.

- Giai đoạn 2 (giai đoạn Top-up): đáp ứng hoàn toàn theo yêu cầu chương trình đào tạo của CSNN.

Điều 6. Học kỳ, năm học

- Học kỳ là thời gian để sinh viên hoàn thành một số học phần của chương trình đào tạo. Một học kỳ có 12 - 15 tuần thực học và 1 đến 2 tuần dành cho đánh giá hoạt động đào tạo (thi cuối kỳ, thi giữa kỳ, kiểm tra, ...).
- Kế hoạch học tập của mỗi học kỳ và năm học bao gồm thời gian biểu tiến hành các hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá hoạt động đào tạo. Kế hoạch học tập được công bố rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường.

Điều 7. Khóa học

- Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo:
- Giai đoạn 1: gồm 4 học kỳ và có thể có thêm học kỳ thực tập.
- Giai đoạn 2: tối đa 4 học kỳ tùy thuộc vào yêu cầu của CSNN tương ứng
- Thời gian tối đa để hoàn thành khóa học (bao gồm thời gian chuyển tiếp giữa 2 giai đoạn) là 13 học kỳ (bao gồm học kỳ thực tập nếu có).

Điều 8. Học phí

- Tùy theo kế hoạch chung của Trường và quy định cụ thể của từng năm, học phí cho khóa tuyển mới có thể thay đổi nhưng tăng không quá 10% so với khóa liền trước.
- Học phí khóa học được công bố vào đầu khóa và không thay đổi trong toàn khóa học. Học phí này không bao gồm học phí học lại, học cải thiện.
- Đơn giá tín chỉ học lại, học cải thiện do Hiệu trưởng quy định vào đầu mỗi năm học.

Chương 2. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 9. Tổ chức chương trình

- Các lớp CTLKNN được đảm bảo về cơ sở vật chất cho việc học tập phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo.
- Về chất lượng quản lý và giảng dạy: Trường ĐHCNTT phối hợp với CSNN quản lý sinh viên và đảm bảo chất lượng về mặt chuyên môn.
- Về sinh viên:
 - Sinh viên chính thức là các thí sinh đã trúng tuyển vào CTLKNN, đáp ứng điều kiện tuyển sinh và điều kiện ngoại ngữ đầu vào, đã hoàn tất thủ tục nhập học và được học chương trình chính khóa.
 - Sinh viên dự bị là các thí sinh đã trúng tuyển vào CTLKNN nhưng chưa đủ điều kiện về ngoại ngữ đầu vào cần phải bổ sung chứng chỉ ngoại ngữ theo

quy định hoặc tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ do Trường ĐHCNTT tổ chức (nếu có) và đạt điều kiện ngoại ngữ theo quy định thì mới được tham gia học chương trình chính khóa.

Điều 10. Tổ chức lớp

- Lớp học phần:

- Quy mô lớp học lý thuyết tối đa 60 sinh viên và tối thiểu 10 sinh viên, tối đa 30 sinh viên/nhóm đối với lớp thực hành, thảo luận và giải bài tập.
- Các trường hợp khác do Hiệu trưởng quyết định dựa trên tình hình thực tế triển khai.

- Lớp sinh viên: mỗi khóa/ngành được tổ chức thành một lớp sinh viên, do một cố vấn học tập quản lý. CVHT do ĐVCM đề xuất vào đầu mỗi năm học đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Trường, CVHT dành tối thiểu 04 giờ làm việc/tuần để gặp gỡ sinh viên tại trường nhằm nắm bắt tình hình học tập, sinh hoạt và đề xuất hỗ trợ sinh viên kịp thời đến các đơn vị liên quan.

Điều 11. Đăng ký học

- Sinh viên được đăng ký môn học từng học kỳ theo tiến độ của chương trình đào tạo.
- Sinh viên nợ học phần của giai đoạn 1 thì phải đăng ký học lại chậm nhất là 02 tuần trước khi lớp học phần bắt đầu.
- Mọi quyết định về thi lại/học lại của giai đoạn 2 được công bố sau kỳ họp đánh giá của Hội đồng PAB của CSNN. Sinh viên đăng ký học lại theo thông báo của hội đồng PAB.
- Sinh viên phải hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời gian quy định. Trường hợp sinh viên không nộp học phí theo quy định, hoặc tạm dừng học 1 học kỳ trở lên nhưng không làm thủ tục tạm dừng học (bảo lưu) theo quy định thì được xem là tự ý bỏ học.

Điều 12. Điều kiện và phương thức tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh được công bố trong đề án tuyển sinh hàng năm của Trường, đồng thời Trường sẽ thông báo tuyển sinh vào các thời điểm phù hợp với các đợt tuyển sinh của CSNN. Các đối tượng có thể dự tuyển:

12.1. Đối tượng 1

Là những sinh viên tham gia học cả 02 giai đoạn (theo định nghĩa tại Điều 7 của Quy định này)

- Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Đạt điều kiện về năng lực tiếng Anh theo yêu cầu của chương trình:
- Thí sinh phải có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương trình độ bậc 4

theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đối với thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương tại cơ sở giáo dục nước ngoài được Bộ GD&ĐT chấp nhận, sử dụng ngôn ngữ học là tiếng Anh thì không cần xét trình độ tiếng Anh.
- Đối với những thí sinh chưa đạt điều kiện tiếng Anh nêu trên được xem xét trúng tuyển diện dự bị trong thời gian cho phép bổ sung yêu cầu tiếng Anh, đồng thời thí sinh phải tham gia kỳ thi tiếng Anh đầu vào do Trường ĐHCNTT phối hợp với các đơn vị, trung tâm hoặc cơ sở đào tạo có uy tín trong việc đào tạo tiếng Anh tổ chức. Căn cứ vào kết quả thi tiếng Anh này, đối với những thí sinh đã đạt chuẩn tương đương với tiêu chuẩn yêu cầu (căn cứ theo bảng quy đổi bên dưới) được chấp nhận vào học chương trình chính khóa để rút ngắn thời gian học tập, nhưng kết quả học tập chỉ được công nhận khi thí sinh đạt chứng chỉ tiếng Anh đầu vào theo quy định.

Khung tham chiếu Châu Âu - CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL iBT	TOEFL ITP	PTE	Cambridge English	Khung năng lực NN 6 bậc VN
C2	8.5 – 9.0		100	600+	85 - 90	200 – 230 (CPE)	6
C1	7.0 – 8.0		80 – 99	550	76 - 84	180 – dưới 200 (CAE)	5
B2	5.5 – 6.5	Nghe: 400 - 489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179	46 – 93	500	59 - 75	160 – dưới 180 (FCE)	4
B1	4.0 – 5.0	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	30 – 45	450	43 - 58	140 – dưới 160 (PET)	3
A2	3.0 – 3.5		40	400		120 – dưới 140 (KET)	2
A1	1.0 – 2.5		19	347		80 – dưới 120	1

- Thời hạn tối đa để nộp chứng chỉ tiếng Anh đủ điều kiện nhập học chính thức giai đoạn 01 là 01 năm tính từ thời điểm được Trường xác nhận danh sách

trúng tuyển dự bị. Sau thời gian này, sinh viên chưa đủ điều kiện tiếng Anh sẽ bị loại khỏi chương trình.

- Đối với sinh viên đã hoàn thành giai đoạn 1 nhưng chưa đủ điều kiện tiếng Anh để nhập học giai đoạn 2 có thời hạn tối đa là 01 năm tính từ thời điểm công bố quyết định hoàn thành giai đoạn 1 để nộp chứng chỉ tiếng Anh đủ điều kiện nhập học giai đoạn 2. Sau thời gian này, sinh viên chưa đủ điều kiện tiếng Anh sẽ bị loại khỏi chương trình.

12.2. Đối tượng 2

Là những sinh viên chỉ tham gia học giai đoạn 2, học trực tiếp tại ĐHCNTT hoặc có thể chuyển tiếp sang CSNN học tùy theo chương trình đào tạo.

Sinh viên thỏa các điều kiện sau phải nộp hồ sơ nhập học giai đoạn 2 cho CSNN xét duyệt:

- Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo tương đương chương trình đào tạo giai đoạn 1
 - Sinh viên đạt yêu cầu về tiếng Anh theo quy định của CSNN.

Điều 13. Điều kiện chuyển ngành, chuyên chương trình đào tạo

- Sinh viên được xem xét chuyển ngành trong cùng CTLKNN hoặc chuyển sang CTLKNN khác ở cùng trình độ, cùng ngành hoặc cùng lĩnh vực đào tạo nếu có đủ các điều kiện sau:

- Đang học các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo hình thức liên kết trực tiếp; không thuộc diện bị buộc thôi học.
- Đáp ứng điều kiện trúng tuyển trong cùng khóa (năm) tuyển sinh với CTLKNN dự kiến chuyển đến; được cơ sở đào tạo Việt Nam hoặc các bên liên kết đồng ý tiếp nhận nếu còn đủ năng lực đào tạo theo quy định.
- Được sự chấp thuận của Trưởng khoa/Trưởng bộ môn quản lý ngành/chương trình đào tạo (nơi chuyển đến) và Trưởng khoa/Trưởng bộ môn quản lý ngành/chương trình đào tạo (nơi chuyển đi).
- Sinh viên được phép chuyển ngành/chương trình trong giai đoạn 1, chậm nhất trước khi nộp hồ sơ xét duyệt học giai đoạn 2.
- Sinh viên không được chuyển sang chương trình đào tạo chính quy của Trường.

Điều 14. Quy định về giảng viên, trợ giảng

14.1. Giảng viên

- Giảng viên trực tiếp đứng lớp giảng dạy lý thuyết là những giảng viên trong và ngoài nước có uy tín và kinh nghiệm giảng dạy, có trình độ từ thạc sĩ trở lên thuộc đúng ngành hoặc ngành gần với ngành đào tạo CTLKNN do ĐVCM mời giảng.

- Giảng viên có năng lực chuyên môn, NCKH đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; có kinh nghiệm giảng dạy từ 03 năm trở lên; có phương pháp giảng dạy hiệu quả; áp dụng tốt công nghệ thông tin trong giảng dạy và NCKH.
- Giảng viên giảng dạy lý thuyết phải có đủ năng lực giảng dạy các môn học bằng tiếng Anh, có trình độ ngoại ngữ bậc 5 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương, hoặc được đào tạo chuyên môn trình độ từ thạc sĩ trở lên toàn thời gian bằng tiếng Anh.
 - Giảng viên thỉnh giảng phải cung cấp lý lịch khoa học và bản sao văn bằng cho ĐVQL trong lần đầu tham gia giảng dạy và bổ sung khi có cập nhật, ký hợp đồng giảng dạy với nhà trường, tiến hành nghiệm thu và thanh lý hợp đồng sau khi kết thúc giảng dạy môn học.
 - Đối với từng môn học được giảng dạy trong giai đoạn 2, bản sao văn bằng, sơ yếu lý lịch giảng viên phải được cung cấp cho CSNN để xét duyệt trước khi lịch học được sắp xếp. Giảng viên giảng dạy giai đoạn 2 có thể được yêu cầu tham gia phỏng vấn trực tiếp với CSNN trước khi tham gia giảng dạy.
 - Để đảm bảo chất lượng giảng dạy, mỗi giảng viên được mời giảng dạy tối đa 02 môn học cho 01 khóa trong 01 học kỳ.
 - Đơn vị chuyên môn có trách nhiệm phân công giảng viên giảng dạy hoặc mời giảng viên thỉnh giảng khi cần thiết.
 - Giảng viên được hưởng thù lao giảng dạy theo quy định của Trường khi tham gia giảng dạy CTLKNN.

14.2. Trợ giảng

- Trợ giảng phải có đủ năng lực ngoại ngữ và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của môn học tham gia giảng dạy; sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, seminar, làm đồ án.
- Đơn vị chuyên môn được phép sử dụng nghiên cứu sinh, học viên đang học thạc sĩ tham gia hoạt động trợ giảng.
- Trợ giảng phải ký hợp đồng giảng dạy được hưởng thù lao giảng dạy theo quy định của Trường khi tham gia giảng dạy CTLKNN

Điều 15. Hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá

15.1. Tổ chức thi và đánh giá sinh viên

- Việc lựa chọn các hình thức đánh giá thành phần và trọng số của các điểm đánh giá thành phần, cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định rõ trong đề cương chi tiết của môn học, giảng viên phải công bố cho sinh viên vào đầu mỗi học kỳ. Giảng viên ra đề thi, đề kiểm tra bằng tiếng Anh.

- Sinh viên thực hiện các báo cáo môn học, seminar, bài thi giữa kỳ, cuối kỳ bằng tiếng Anh.
- Đối với các môn học trong giai đoạn 1:
 - o DHCNTT chủ động trong việc xác định các thành phần và nội dung đánh giá, tổ chức thi theo quy trình hiện hành của DHCNTT. Giảng viên có trách nhiệm ra đề thi, kiểm tra nhằm đánh giá các chuẩn đầu ra của môn học.
 - o Sinh viên được thi lại 01 lần đối với các học phần không đạt (điểm < 40%), giảng viên có trách nhiệm ra đề thi lại đánh giá bao quát các chuẩn đầu ra của môn học. Nếu sinh viên vẫn không đạt sau khi thi lại thì phải đăng ký học lại khi môn học được mở ở các học kỳ tiếp theo.
- Đối với các môn học trong giai đoạn 2:
 - o DHCNTT tổ chức thi theo quy định của CSNN, giảng viên đánh giá môn học theo thống nhất với nhân sự phụ trách môn học của CSNN.
 - o Trường hợp đặc biệt (óm đau, tai nạn, ...) mà sinh viên không thể dự thi cuối học phần hoặc không hoàn thành đồ án/tiểu luận đúng thời hạn, sinh viên cần nộp đơn giải trình lý do để Hội đồng PAB xét duyệt và quyết định về việc thi lại hoặc công nhận kết quả đồ án/tiểu luận.

15.2. Quản lý điểm và bài thi

- Các loại điểm của học phần được đánh giá theo thang điểm 100, các thang điểm khác được dùng để chuyển đổi khi cần thiết.
- Thang điểm đánh giá và xếp loại học phần, học kỳ, toàn khóa:

Xếp loại	Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Loại
First Class (1st)	từ 70 đến 100	8.5 - 10	A	4	ĐẠT
Upper Second Class (Division 1)	từ 60 đến cận 70	7.0 - 8.4	B	3	
Lower Second Class (Division 2)	từ 50 đến cận 60	5.5 - 6.9	C	2	
Third Class (3rd)	từ 40 đến cận 50	4.0 - 5.4	D	1	
Fail	dưới 40	<4	F	0	KHÔNG ĐẠT

- Đối với các môn học giai đoạn 1: giảng viên thực hiện theo quy định hiện hành của Trường.
- Đối với các môn học giai đoạn 2: giảng viên chấm điểm dựa trên thang tiêu chí chấm điểm do CSNN cung cấp và đảm bảo các mốc thời gian theo đúng kế hoạch

chung đã thống nhất với CSNN.

- Bài thi của sinh viên, điểm chấm, nhận xét bài thi sẽ được gửi cho CSNN theo quy định của CSNN để Bộ phận học vụ của CSNN chấm lần 2. Trong trường hợp có khác biệt về điểm chấm lần 1 và lần 2, giảng viên phụ trách và CSNN trao đổi thông nhất về điểm chấm cho sinh viên dựa trên thang tiêu chí chấm điểm CSNN đã công bố. Trong trường hợp không có sự thống nhất giữa 2 bên, CSNN lập hội đồng chấm lần 3 để quyết định điểm cuối cùng.
- Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) dựa trên kết quả học tập toàn diện của sinh viên trong suốt học kỳ đối với học phần đó, tối đa 4 thành phần bao gồm: điểm quá trình (điểm bài tập, bài kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm chuyên cần, ...), điểm thực hành (bắt buộc có đối với học phần có thực hành), điểm thi giữa học phần và điểm kết thúc học phần.
 - Sinh viên không dự thi cuối học phần hoặc không hoàn thành đồ án/tiểu luận bắt buộc tương đương với đánh giá cuối học phần theo đúng quy định coi như bị điểm 0 học phần đó.
 - Đối với các học phần mà sinh viên thi lại, sinh viên thi đạt thì chỉ được nhận điểm ở mức Đạt tối thiểu (40 điểm).

15.3. Cách tính điểm trung bình

- Điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL - GPA) được tính riêng cho từng giai đoạn, ĐTBTL được sử dụng để xét các chế độ khen thưởng, xếp loại sinh viên, xét và xếp loại tốt nghiệp.
- ĐTBTL giai đoạn 1 được làm tròn đến một chữ số thập phân, ĐTBTL này không được sử dụng để xét điểm trung bình tốt nghiệp của sinh viên. Cách tính điểm trung bình như sau:

$$A = \frac{\sum_{ki=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

- + A là ĐTBTL
 - + a_i là điểm của môn học thứ i
 - + n_i là số tín chỉ học tập của môn học thứ i
 - + n là tổng số môn học được tính
- ĐTBTL giai đoạn 2 được dùng để xét tốt nghiệp và xếp loại tốt nghiệp.

15.4. Quy trình xử lý khiếu nại của sinh viên

Trong trường hợp sinh viên muốn khiếu nại về một vấn đề liên quan tới ĐHCNTT, sinh viên cần tuân theo quy trình hiện hành của ĐHCNTT.

Sinh viên cũng có thể nộp đơn khiếu nại tới CSNN về bất kỳ khía cạnh nào trực

thuộc sự kiểm soát của CSNN, bao gồm các vấn đề liên quan tới việc truy cập các tài nguyên hoặc dịch vụ hoặc đội ngũ nhân viên của CSNN. Sinh viên được thông báo về thủ tục khiếu nại của CSNN và áp dụng cho các sinh viên của chương trình liên kết.

Điều 16. Rút khỏi chương trình – Tạm dừng học tập

Sinh viên mong muốn rút khỏi chương trình hoặc tạm dừng học tập vì một số nguyên nhân bao gồm lý do sức khỏe, tài chính, học thuật hoặc lý do cá nhân khác sẽ phải thực hiện theo quy định sau:

- Đối với sinh viên đang học giai đoạn 1: thực hiện theo Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho hệ đại học chính quy hiện hành của ĐHCNTT.
- Đối với sinh viên đang học giai đoạn 2: sinh viên nộp đơn cho ĐVQL của ĐHCNTT theo mẫu của CSNN chậm nhất là 01 tuần trước khi học kỳ mới bắt đầu. ĐHCNTT thông báo cho CSNN bằng văn bản về quyết định của sinh viên để rút khỏi chương trình học hoặc tạm dừng học tập, xác nhận ngày cuối cùng tham gia học tập của sinh viên và lý do cho việc rút khỏi chương trình/tạm dừng học tập.
 - o Sinh viên chính thức rút khỏi khóa học phải tuân theo quy trình nhập học một lần nữa nếu như có mong muốn tham gia lại chương trình đó.

Điều 17. Xử lý học vụ

17.1. Cảnh báo

Sinh viên bị cảnh báo học vụ nếu vi phạm một trong những trường hợp sau:

- Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí nhưng quá thời hạn quy định theo thông báo của Trường.
- Điểm trung bình học kỳ dưới 30 hoặc điểm trung bình của 2 học kỳ liên tiếp đều dưới 40.

Thời hạn cảnh báo học vụ kéo dài trong một học kỳ chính tiếp theo. Sinh viên sẽ được tự động xóa hình thức xử lý khi kết thúc thời hạn.

17.2. Buộc thôi học

- Điểm trung bình học kỳ bằng 0 hoặc tự ý bỏ học một học kỳ.
- Đã hết thời gian tối đa hoàn thành khóa học được quy định tại Điều 7 của quy định này, nhưng vẫn chưa hoàn thành chương trình đào tạo.
- Đã hết thời gian tối đa bổ sung chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại Điều 12 của quy định này nhưng vẫn chưa đạt chứng chỉ theo yêu cầu.
- Đã hết thời hạn được cho phép tạm dừng học tập nhưng không làm thủ tục nhập học lại.
- Không hoàn thành nghĩa vụ học phí đến thời điểm xét xử lý học vụ.
- Đang bị cảnh báo học vụ lần thứ hai liên tiếp và vẫn tái phạm khoản 1 Điều

- Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học theo quy định về các vi phạm và mức kỷ luật của CSNN.

Điều 18. Điều kiện tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

- Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo giai đoạn 1 được nhận bảng điểm và giấy chứng nhận hoàn thành giai đoạn 1 của chương trình do Hiệu trưởng cấp.
- Sinh viên được Hội đồng PAB của CSNN xét và công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - o Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập.
 - o Hoàn thành nghĩa vụ học phí và các nghĩa vụ khác nếu có.
 - o Hoàn thành chương trình đào tạo giai đoạn 2 với ĐTBTL từ 40 trở lên.
- CSNN cấp bằng kèm theo bảng điểm giai đoạn 2.
- Bằng tốt nghiệp được cấp theo ngành đào tạo, xếp loại tốt nghiệp được xác định dựa trên bảng xếp loại quy định tại khoản 2 Điều 15 của Quy định này

Điều 19. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng và kiểm định giáo dục

Trường thực hiện các công tác về đảm bảo chất lượng và kiểm định giáo dục đáp ứng các yêu cầu theo quy định trong Luật giáo dục đại học, các quy định liên quan đến chương trình liên kết đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương 3. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

Điều 20. Học bổng

- Học bổng tuyển sinh: học bổng được công bố vào đầu mỗi Khóa tuyển sao cho đảm bảo sự phù hợp với định hướng phát triển chương trình.
- Học bổng khuyến khích học tập: căn cứ trên kết quả học tập mỗi học kỳ của sinh viên, Trường cấp 03 suất học bổng dành cho 03 sinh viên xuất sắc nhất của mỗi khóa có điểm trung bình học kỳ đạt mức First class; trường hợp có nhiều sinh viên cùng điểm trung bình thì xét ưu tiên sinh viên tham gia tích cực các hoạt động do đơn vị quản lý tổ chức. Học bổng bao gồm 01 suất học bổng toàn phần và 02 suất học bổng bán phần, giá trị học bổng sẽ được công bố đầu mỗi Khóa tuyển.
- Học bổng khác: Trường xét học bổng theo các tiêu chí và đối tượng tương ứng với từng loại học bổng. Sinh viên tích lũy điểm rèn luyện cao theo quy định về điểm rèn luyện sinh viên hiện hành của Trường là một lợi thế (sinh viên CTLKNN không bắt buộc phải tích lũy điểm rèn luyện theo quy định hiện hành của Trường).

Điều 21. Khen thưởng khác

Trường có chính sách khen, thưởng dành cho sinh viên CTLKNN đạt thành tích tốt trong nghiên cứu khoa học hoặc đạt các giải thưởng cao trong các cuộc thi học thuật

quốc gia và quốc tế.

Chương 4. KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Thanh tra, kiểm tra

Trường tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ, giám sát việc thực hiện kế hoạch, đánh giá kết quả hoạt động, giải quyết khiếu nại và xử lý vi phạm đối với hoạt động hợp tác, chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, công tác lưu trữ hồ sơ và văn bằng do CSNN cấp và các nhiệm vụ khác liên quan đến đào tạo; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của ĐHQG-HCM, báo cáo tình hình thực hiện cho Bộ Giáo dục và Đào tạo theo các quy định hiện hành.

Điều 23. Khiếu nại, tố cáo

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm các quy chế, quy định của Trường, gian lận của học viên, sai phạm trong thực hiện chương trình đào tạo, quá trình tổ chức và quản lý đào tạo. Việc giải quyết khiếu nại tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 24. Xử lý vi phạm

- Xử lý sinh viên phạm các quy định về thi, kiểm tra học phần: Mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên và cán bộ vi phạm được thể hiện trong các quy định chung của Trường và quy định học thuật của cơ sở giáo dục nước ngoài.

- Xử lý vi phạm trong tổ chức, quản lý đào tạo: cá nhân hoặc tổ chức vi phạm một trong các hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu hành vi vi phạm gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Sinh viên sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học, văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ và xử lý theo quy định học thuật của cơ sở giáo dục nước ngoài.

Chương 5. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ LUU TRỮ

Tuân thủ chế độ báo cáo, định kỳ cập nhật dữ liệu vào hệ thống quản lý thông tin về giáo dục đại học (Higher Education Management Information System - HEMIS) của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những hệ thống quản lý dữ liệu khác có liên quan; lưu trữ hồ sơ của người học và của các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định của Luật Lưu trữ và các văn bản có liên quan về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành Giáo dục.

ĐHQG-HCM

Chương 6. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2025.

Quy định này áp dụng cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy, sinh viên tham gia học tập, đơn vị chuyên môn và đơn vị quản lý triển khai chương trình Liên kết nước ngoài giữa Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Trường Đại học Birmingham City.

Trong quá trình thực hiện, quy định này có thể được sửa đổi, bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tế, theo các quy định của Nhà nước và quy định của ĐHQG-HCM.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Lưu Thùy Ngân